TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7-CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12-9-2025
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Hùng Phong

Ông Thạch Na Rết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7-Cần Thơ.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7-Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tứ P, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (trước đây là ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Thị N – Văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư thành phố C. Địa chỉ: Số A ấp C, xã P, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị B, sinh năm 1968. Địa chỉ chỗ ở: Ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (trước đây là ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2025, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn ông Nguyễn Tứ P trình bày:

Giữa ông với bà Lê Thị B được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1993. Đến ngày 27/3/2007, ông với bà B đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã P, thành phố Cần Thơ). Trong thời gian đầu cuộc sống gia đình của ông rất hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau này giữa ông với bà B bắt đầu phát sinh mâu thuẫn cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Giữa ông với bà B nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Nên ông muốn kết thúc mối

quan hệ hôn nhân này. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị B.

Về con chung: Giữa ông với bà B có 02 người con chung tên: Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 13/11/1993 và Nguyễn Đông Đ1, sinh ngày 30/7/2003. Hiện tại hai người con đã đủ 18 tuổi và có cuộc sống riêng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Giữa ông với bà B đã thoả thuận xong bằng văn bản việc chia đất cho con nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết phân chia tài sản chung giữa ông với bà B trong vụ án này.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn bà Lê Thị B trình bày:

Bà với ông Nguyễn Tứ P tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã P, thành phố Cần Thơ) như ông P trình bày. Giữa bà với ông P có hai người con chung là: Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 13/11/1993 và Nguyễn Đông Đ1, sinh ngày 30/7/2003. Việc gia đình mâu thuẫn là do ông P có người phụ nữ khác bên ngoài.

Đối với phần tài sản chung: Giữa bà với ông P chưa thoả thuận xong. Trường hợp ông P muốn ly hôn thì phải chia tài sản chung cho 02 người con xong thì bà mới đồng ý ký giấy ly hôn. Phần tài sản chung của bà với ông P có 15 công tầm cấy đất lúa và 01 căn nhà gắn liền với đất, tọa lạc ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ. Tôi không yêu cầu chia tài sản chung giữa tôi với ông P trong vụ án này mà tôi chỉ yêu cầu ông P chia cho 02 người con như trước đây ông P đã từng hứa.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Toà án xem xét.

Tại phiên toà, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Giữa ông Nguyễn Tứ P với bà Lê Thị B đã tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/3/2007 tại Uỷ ban nhân dân xã tại UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã P, thành phố Cần Thơ). Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa ông P và bà B bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính cách và lối sống nên phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân; Giữa ông P và bà B hiện không còn chung sống với nhau. Nên xét thấy đời sống hôn nhân giữa ông P với bà B1 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thành, giữa ông P và bà B hiện không còn tình cảm với nhau và đã sống riêng từ lâu. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông P được ly hôn với bà B.

Về con chung: Giữa ông P với bà B có 02 người con chung là Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 13/11/1993 và Nguyễn Đông Đ1, sinh ngày 30/7/2003. Hiện các con của hai người đã trên 18 tuổi, ông P với bà B không ai có yêu cầu xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Trong vụ án này, ông P và bà B không ai yêu cầu xem xét phân chia tài sản chung của hai người nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Giữa ông P và bà B cho rằng không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn có địa chỉ tại ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (trước đây là ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng) nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 7-Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: "Ly hôn" là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng: Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Tứ P có đơn yêu cầu Văn phòng L cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và tại phiên toà, Vị luật sư – Người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có mặt tại phiên toà nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nội dung vụ án: Xét đơn yêu cầu về việc xin ly hôn của ông Nguyễn Tứ P đối với bà Lê Thị B, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân của ông P và bà B không vi phạm các điều kiện kết hôn và sau khi sống chung với nhau hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa ông P với bà B phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thiếu quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, giữa ông P và bà B hiện đã ly thân và không còn chung sống với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho ông P được ly hôn với bà B.

[5] Về con chung: Giữa ông Nguyễn Tứ P với bà Lê Thị B có 02 người con chung tên: Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 13/11/1993 và Nguyễn Đông Đ1, sinh ngày 30/7/2003. Hiện các con của ông P và bà B đã trên 18 tuổi, ông P với bà B không ai có yêu cầu xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Trong vụ án này nguyên đơn ông Nguyễn Tứ P với bị đơn bà Lê Thị B không ai có yêu cầu Toà án phân chia tài sản chung giữa hai người nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Các đương sự trình bày là không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Việc bị đơn bà Lê Thị B yêu cầu nguyên đơn ông Nguyễn Tứ P phân chia tài sản là quyền sử dụng đất cho các con như ông đã thoả thuận trước đây, Hội

đồng xét xử xét thấy rằng: Việc chia tài sản cho các con là sự tự thoả thuận của cha mẹ. Đối với yêu cầu của bà B nêu trên không phải là yêu cầu phân chia tài sản chung giữa ông P với bà B nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Ông Nguyễn Tứ P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tứ P được ly hôn với bà Lê Thị B.

2. Về con chung: Giữa ông Nguyễn Tứ P với bà Lê Thị B có 02 người con chung tên: Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 13/11/1993 và Nguyễn Đông Đ1, sinh ngày 30/7/2003. Hiện các con của ông P và bà B đã trên 18 tuổi, ông P với bà B không ai có yêu cầu xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Tứ P phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông P được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001946, ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Cần Thơ). Như vậy, ông P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị B không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 7 – Cần thơ;
- Phòng THADS Khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Lộc, TP.Cần Thơ;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Văn Đua